

ĐÀI LOAN – HỒNG KÔNG – MA CAO

HIỆP ĐỊNH ECFA: TÍNH TẤT YẾU - NỘI DUNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

TS. VŨ THÙY DƯƠNG

Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Ngày 29-6-2010, trong cuộc “Hội đàm Giang - Trần” lần thứ 5 tại Trùng Khánh, Chủ tịch Hiệp hội Quan hệ hai bờ eo biển Trung Quốc (ARATS) - Trần Văn Lâm và Chủ tịch Quỹ giao lưu eo biển Đài Loan (SEF) Giang Bình Khôn đã đi đến ký kết “Hiệp định khung hợp tác kinh tế giữa hai bờ eo biển” - Economic Cooperation Framework Agreement (ECFA). Việc Hiệp định ECFA được ký kết, có thể nói đó là bước tiến quan trọng góp phần “hóa giải” từng nấc mỗi quan hệ căng thẳng giữa hai bờ eo biển, đưa quan hệ giữa Đại lục và Đài Loan dần đi vào quỹ đạo phát triển và ổn định.

Hiệp định ECFA được “Hai bên nhất trí dựa trên những nguyên tắc cơ bản của Tổ chức mậu dịch thế giới (WTO), nghiên cứu điều kiện kinh tế mỗi bên nhằm từng bước giảm thiểu hoặc loại bỏ những trở ngại về đầu tư trao đổi mậu dịch giữa hai bên, tiến tới tạo ra môi

trường đầu tư và mậu dịch công bằng. Đồng thời, thông qua việc ký kết ECFA, hai bên sẽ đẩy mạnh hơn nữa quan hệ kinh tế, xây dựng cơ chế hợp tác có lợi cho sự phát triển và phồn vinh của mỗi bên”⁽¹⁾. Có thể thấy, việc ký kết hiệp định ECFA có ý nghĩa quan trọng trong quan hệ kinh tế giữa hai bờ eo biển Đài Loan. Bởi vậy, ECFA đã giành được nhiều sự quan tâm của các học giả trong khu vực và trên thế giới. Bài viết này sẽ bước đầu tìm hiểu và đánh giá hiệp định ECFA sau gần 2 năm có hiệu lực.

1. Tính tất yếu của việc ký kết hiệp định ECFA giữa Đại lục và Đài Loan

Trên thực tế, chính các quan ngại về kinh tế ở Đài Loan là nguyên nhân quan trọng nhất, khiến Đài Bắc muốn nhanh chóng đi đến ký kết hiệp định ECFA với Trung Quốc. Để có một cái nhìn toàn cảnh hơn về bối cảnh ký kết, chúng ta sẽ tìm hiểu vấn đề này trên 4 phương diện như sau:

a. Hội nhập kinh tế quốc tế theo chiều sâu đang trở thành xu thế cơ bản trong quan hệ kinh tế quốc tế, Đài Loan đương nhiên không thể nằm ngoài trào lưu chung trên thế giới

Cho đến nay, sở dĩ các vòng đàm phán Doha, vẫn luôn đi vào bế tắc là do những bất đồng giữa khối các nước phát triển và đang phát triển về mức độ cắt giảm thuế quan áp đặt đối với hàng công nghiệp và mức trợ giá nông nghiệp. Điều này dẫn đến việc giữa các thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) lần lượt ký các hiệp định thương mại tự do (FTA) với nhau, lập nên những khu vực mậu dịch tự do mang tính khu vực. Các quốc gia sau khi ký kết FTA, sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc giảm thuế quan và loại bỏ những trở ngại mậu dịch phi thuế quan, qua đó giúp thu được nhiều lợi ích: mỗi quốc gia ký FTA có thể gia tăng mậu dịch trong khu vực; thu hút vốn đầu tư vào khu vực, tức giành được “hiệu quả chuyển dịch đầu tư”; thị trường trong khu vực được mở rộng, có lợi cho sự phân công và mở rộng quy mô các ngành công nghiệp. Trong xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, các nước trên thế giới và khu vực đã đang giảm thuế quan và loại bỏ những chướng ngại mậu dịch phi thuế quan, nếu Đài Loan đứng ngoài “cuộc chơi”, đương nhiên hàng hóa của hòn đảo này sẽ phải chịu mức thuế cao hoặc phải trải qua các thủ tục phiền toái mới có thể xuất khẩu sang các nước khác. Như vậy, tất yếu sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng lực cạnh tranh quốc tế của sản phẩm Đài Loan.

b. Xu thế hội nhập kinh tế, liên kết lại với nhau trong khu vực kinh tế chung đã tạo ra thách thức đối với nền kinh tế Đài Loan, buộc Đài Loan phải có giải pháp thích ứng

Có thể nhận thấy, trước khi ký Hiệp định ECFA, tình hình kinh tế Đài Loan khá nan giải. Nguyên nhân của sự không mấy sáng sủa đó, được nhìn nhận trên 3 khía cạnh: *Thứ nhất*, nền kinh tế Đài Loan lấy xuất khẩu làm chủ đạo, song tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu lại có xu hướng giảm dần: năm 2000: 22,8%; năm 2001: - 16,9%; năm 2004: 21,1%; năm 2008: 3,6%; năm 2009: - 20,3%⁽²⁾. Tỷ lệ xuất khẩu luôn biến thiên bất thường như vậy, lẽ đương nhiên sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến tăng trưởng kinh tế, buộc Đài Loan không thể không tìm con đường khai thác thị trường thế giới. *Thứ hai*, việc Nhật Bản ký FTA với Xingapo, Malaysia, Thái Lan đã khiến cho hàng hóa xuất khẩu của Đài Loan bị chèn ép mạnh. Trước khi Hiệp định thương mại tự do giữa Nhật Bản và Malaysia có hiệu lực, tỷ lệ tăng trưởng hàng hóa xuất khẩu của Đài Loan và Nhật Bản sang Malaysia trong 2 năm (2004 – 2006) lần lượt là 16,6% và 7,8%. Sau khi FTA có hiệu lực, tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu của Đài Loan sang Malaysia chỉ còn 5,7%, ngược lại Nhật Bản tăng lên đến 22,5%. Tương tự, sau khi Hàn Quốc ký FTA với ASEAN, Chilê, các sản phẩm xuất khẩu của Đài Loan cũng bị cạnh tranh gay gắt. Lấy ví dụ: tỷ lệ tăng trưởng hàng hóa xuất khẩu của Đài Loan và Hàn Quốc vào ASEAN (2004 - 2006), lần lượt là

20,1% và 16,6%; vậy mà, sau khi FTA giữa Hàn Quốc và ASEAN có hiệu lực, xuất khẩu vào khối ASEAN của Đài Loan bị sụt giảm đáng kể, chỉ còn 11,8%, trong khi Hàn Quốc tăng 24%. *Thứ ba*, sau khi Hiệp định thương mại tự do giữa Trung Quốc - ASEAN được ký kết (1/1/2010), hơn 90% sản phẩm của Trung Quốc và các thành viên khối ASEAN sẽ có thuế suất bằng 0%. Như vậy, tính bình quân thuế suất của các nước thành viên ASEAN với Trung Quốc sẽ giảm dần từ 12,8% xuống còn 0,6%. Trong khi đó, nếu so sánh: sản phẩm của Đài Loan xuất khẩu sang Đại lục phải chịu mức thuế khoảng 9%; xuất khẩu vào khối ASEAN là 12% thì rõ ràng, sức cạnh tranh hàng hóa của Đài Loan tại hai thị trường này sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng⁽³⁾.

Trên thực tế, từ ngày 20/7/2005, khi quan hệ thương mại ASEAN – Trung Quốc bắt đầu thực hiện miễn giảm thuế quan đối với 7.000 mặt hàng hóa các loại thì tổng kim ngạch xuất khẩu của ASEAN vào Trung Quốc đã vượt qua Đài Loan. Năm 2009, tổng kim ngạch xuất khẩu của Đài Loan sang Trung Quốc là 8,5710 tỷ USD, chiếm 8,54% tổng kim ngạch nhập khẩu của Đại lục; cũng trong năm này, tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu của ASEAN xuất sang Trung Quốc là 10,620 tỷ USD, chiếm 10,58% tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc⁽⁴⁾. Như vậy, rõ ràng sản phẩm xuất khẩu của Đài Loan đang đứng trước áp lực cạnh tranh rất lớn.

c. Quan hệ thương mại giữa Đài Loan và Trung Quốc ngày càng gắn bó chặt chẽ, đòi hỏi phải xây dựng cơ chế

Bắt đầu từ sau những năm 70, 80 thế kỷ XX, quy mô đầu tư ra nước ngoài của Đài Loan không ngừng được mở rộng. Đối với Đại lục, từ năm 1987, khi Tưởng Kinh Quốc thực hiện chủ trương cho phép người dân Đài Loan trở về Đại lục thăm thân, quan hệ thương mại giữa hai bờ càng mật thiết. Đến nay, Đại lục đã trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất và là thị trường nhập khẩu lớn thứ hai của Đài Loan. Quan hệ giữa hai bờ càng trở nên gắn bó chặt chẽ hơn kể từ sau năm 2008, khi “tam thông” (thông chính (bưu điện); thông hàng (hàng không và hàng hải) và thông thương (thương mại, mậu dịch); an toàn thực phẩm; tương trợ tư pháp... đã được hai bên hợp tác thực hiện. Nhưng, cùng với quá trình giao lưu mật thiết giữa hai bên, nhiều vấn đề đòi hỏi phải được giải quyết triệt để hơn nữa. Đặc biệt, trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế diễn ra ngày càng sôi động như hiện nay, cả Đại lục và Đài Loan đều nhận thấy cần phải tiếp tục tăng cường hợp tác trên lĩnh vực kinh tế, thương mại nhằm tranh thủ tận dụng thế mạnh của mỗi bên để cùng nhau phát triển.

d. Ký kết ECFA là bước đệm để Đài Loan có thể hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hơn, tăng cường mở rộng không gian phát triển

Mậu dịch đối ngoại chiếm vị trí chủ đạo trong nền kinh tế Đài Loan, chính vì

vậy nếu như kinh tế thế giới biến động sẽ gây ra những ảnh hưởng khôn lường cho Đài Loan. Hơn nữa, Trung Quốc đại lục (bao gồm cả Hồng Kông) đang là thị trường xuất khẩu lớn nhất, chiếm đến hơn 40% tổng kim ngạch xuất khẩu của Đài Loan, do vậy mục tiêu chiến lược mà Đài Loan hướng tới đó là thông qua ký ECFA với Đại lục, Đài Loan có thể ký FTA với các đối tác thương mại chủ yếu khác (ASEAN, Mỹ, Nhật Bản, EU). Trên thực tế, đây chính là những giải pháp hữu hiệu nhằm giúp sản phẩm của Đài Loan nâng cao năng lực cạnh tranh, giúp nền kinh tế Đài Loan phát triển liên tục, ổn định.

2. Những nội dung chính của Hiệp định ECFA

Sau gần một năm đàm phán, ngày 29/6/2010, hiệp định ECFA đã được ký giữa Đài Loan và Trung Quốc tại Trùng Khánh. Bản Hiệp định gồm có 5 chương, 16 điều và 5 phụ lục. Cụ thể như sau:

I. Chương I: Những nguyên tắc chung, gồm hai điều là: Mục tiêu; Các biện pháp hợp tác.

II. Chương II: Mậu dịch và Đầu tư, gồm ba điều là: Mậu dịch hàng hóa; Mậu dịch dịch vụ; Đầu tư.

III. Chương III: Hợp tác kinh tế, gồm một điều là: Hợp tác kinh tế.

IV. Chương IV: Thu hoạch sớm, gồm hai điều là: Thu hoạch sớm trong lĩnh vực mậu dịch hàng hóa; Thu hoạch sớm trong lĩnh vực mậu dịch dịch vụ.

V. Chương V: Các quy tắc khác, gồm 8 điều là: Ngoại lệ; Giải quyết tranh chấp; Sắp xếp cơ cấu; Cách thức văn thư; Phụ lục và các Hiệp định bổ sung sau này; Sửa chữa; Thời gian phát sinh hiệu lực; Chấm dứt hiệp định.

VI. Bản Hiệp định này gồm 5 phụ lục là:

1. Bản kê sản phẩm thuộc chương trình “Thu hoạch sớm” trong lĩnh vực mậu dịch hàng hóa và việc thu xếp giảm thuế.

2. Những quy tắc về nguồn gốc hàng hóa thích hợp với sản phẩm thu hoạch sớm trong lĩnh vực mậu dịch hàng hóa.

3. Những biện pháp phòng vệ của hai bên thích hợp với sản phẩm thu hoạch sớm trong lĩnh vực mậu dịch hàng hóa.

4. Những ngành nghề thuộc chương trình “Thu hoạch sớm” và những biện pháp mở cửa trong lĩnh vực mậu dịch dịch vụ.

5. Định nghĩa của người cung cấp dịch vụ thích hợp với những ngành nghề thuộc chương trình “Thu hoạch sớm” và những biện pháp mở cửa trong lĩnh vực mậu dịch dịch vụ”⁽⁵⁾.

Về cơ bản, nội dung của ECFA cũng giống với các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã được ký kết giữa các quốc gia hội viên của WTO, bao gồm: miễn giảm thuế quan; loại bỏ những chướng ngại mậu dịch phi thuế quan; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; hợp tác tài chính, hải quan; hợp tác giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ; thiết lập đại diện thương mại; giải quyết tranh chấp và bảo đảm

đầu tư. Mục tiêu của Hiệp định ECFA nhằm đẩy mạnh thương mại và đầu tư giữa hai bờ, thúc đẩy mậu dịch hàng hóa, từng bước xây dựng cơ chế hợp tác công bằng, minh bạch. Để đạt được những mục tiêu nêu trên, hai bên đã nhất trí thành lập Ủy ban hợp tác kinh tế hai bờ eo biển nhằm giám sát và đánh giá thực hiện những mục tiêu của Hiệp định.

Trước khi tiến tới một Hiệp định FTA hoàn toàn, Đại lục và Đài Loan đã thống nhất một Chương trình thu hoạch sớm (Early Harvest Program – EHP)⁽⁷⁾ trong khuôn khổ ECFA. Theo đó, Trung Quốc sẽ cắt giảm thuế đối với 539 hạng mục hàng hóa của Đài Loan, với trị giá là

13,837 tỷ USD, chiếm 16,14% tổng kim ngạch xuất khẩu vào Đại lục. Ngược lại, Đài Loan cũng cắt giảm 267 hạng mục hàng hóa của Trung Quốc, trị giá 2,8577 tỷ USD, chiếm 10,53% tổng kim ngạch xuất khẩu vào Đài Loan (xem thêm bảng 1,2). Các mặt hàng cắt giảm của Đài Loan phần lớn là ngành nghề truyền thống, tập trung nhiều lao động. Do vậy, đây sẽ là điều kiện thuận lợi để giảm tỷ lệ thất nghiệp, tạo thêm công ăn việc làm cho người dân. Theo số liệu thống kê của Cục Thống kê Đài Loan, tỷ lệ thất nghiệp đang có nhiều dấu hiệu chuyển biến tích cực: từ 5,85% (2009) xuống còn 4,39% (2011) và 4,1% (4/2012)⁽⁸⁾.

Bảng 1: THỜI GIAN BIỂU CẮT GIẢM THUẾ TRONG CHƯƠNG TRÌNH EHP
(Đối với 539 hạng mục hàng hóa Đài Loan)

Mức thuế nhập khẩu năm 2009 (X%)		Mức thuế cắt giảm		
		Giai đoạn 1 (2011)	Giai đoạn 2 (2012)	Giai đoạn 3 (2013)
1	$0 < X \leq 5$	0		
2	$5 < X \leq 15$	5	0	
3	$X > 15$	10	5	0

Nguồn: Chương trình thu hoạch sớm của ECFA, <http://www.customslawyer.cn/zxft/ft2010/201007/40495.html>

Bảng 2: THỜI GIAN BIỂU CẮT GIẢM THUẾ TRONG CHƯƠNG TRÌNH EHP
(Đối với 267 hạng mục hàng hóa của Đại lục)

Mức thuế nhập khẩu năm 2009 (X%)		Mức thuế cắt giảm		
		Giai đoạn 1 (2011)	Giai đoạn 2 (2012)	Giai đoạn 3 (2013)
1	$0 < X \leq 2,5$	0		
2	$2,5 < X \leq 7,5$	2,5	0	
3	$X > 7,5$	5	2,5	0

Nguồn: Chương trình thu hoạch sớm của ECFA, <http://www.customslawyer.cn/zxft/ft2010/201007/40495.html>

Trên thực tế, việc Đại lục và Đài Loan không ký kết ngay FTA mà chỉ dừng lại ở ECFA là một lựa chọn “khôn ngoan” cho cả hai bên. Bởi, ECFA hướng tới xây dựng khung mục tiêu hợp tác chung; còn nội dung cụ thể sẽ tiếp tục đàm phán. Như vậy, sẽ dễ dàng hơn khi xử lý những bất cập nảy sinh trong quá trình thực hiện; hay nói cách khác, ECFA có tính “co dãn” hơn so với FTA. Mặt khác, sử dụng phương thức tiệm tiến theo từng năm sẽ thích hợp với nội dung của Hiệp định, đồng thời có thể hóa giải áp lực mở cửa toàn diện, ngay lập tức như thông lệ của FTA.

3. Triển vọng hợp tác kinh tế giữa hai bờ eo biển Đài Loan sau Hiệp định ECFA và những vấn đề đặt ra

3.1. Hợp tác kinh tế dần hướng tới phát triển mạnh mẽ và toàn diện

Hiệp định ECFA được ký ngày 29-6-2010, nhưng phải đến ngày 1/1/2011, hai phía mới bắt đầu thực hiện việc giảm thuế giai đoạn 1 đối với các mặt hàng thuộc Chương trình thu hoạch sớm. Chính vì vậy, lợi ích kinh tế dễ nhận thấy nhất biểu hiện chủ yếu ở các sản phẩm xuất khẩu được giảm thuế trong lĩnh vực mậu dịch hàng hóa. Trong các sản phẩm được hưởng miễn giảm thuế quan, máy móc - linh kiện điện tử; quang học và chế phẩm từ plastic là 3 loại hàng hóa đứng đầu về sản lượng xuất khẩu, chiếm tỷ trọng 62,8% tổng lượng xuất khẩu của Đài Loan vào Đại lục. Dựa vào những số liệu của Hải quan Đài Loan, từ tháng 1/2011 đến tháng 7/2011, tổng kim ngạch thương mại của Đài Loan với Trung Quốc đại lục (bao gồm cả Hồng Kông) đạt 15,23 tỷ USD, tăng 18,2% so với cùng kỳ năm ngoái (xuất khẩu đạt 11,2 tỷ USD, tăng 15,1%, nhập khẩu đạt 4,03 tỷ USD tăng 27,9%)⁽⁹⁾. Như vậy, có thể thấy

rất rõ hiệu quả của Chương trình EHP chỉ sau hơn nửa năm chính thức có hiệu lực.

Cũng theo các chuyên gia kinh tế, Chương trình EHP giai đoạn 2 sẽ còn có nhiều bứt phá hơn so với giai đoạn 1. Bởi, lúc này, 94,5% hạng mục hàng hóa của Đài Loan có thuế suất bằng 0 (72 hạng mục năm 2011 và 437 hạng mục năm 2012) và như vậy rất nhiều khả năng tổng kim ngạch miễn giảm thuế quan năm 2012 sẽ vượt xa so với năm 2011. Tính từ tháng 1-2011 đến hết quý I-2012, tổng kim ngạch nhập khẩu trong Chương trình EHP của Đại lục là 5,89 tỷ USD, kim ngạch miễn giảm thuế quan là 230 triệu USD (riêng năm 2012 đã là 102 triệu USD, chiếm 44%); tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng thuộc Chương trình EHP của Đại lục sang Đài Loan là 1,33 tỷ USD, kim ngạch miễn giảm thuế quan là 33,56 triệu USD⁽¹⁰⁾.

Điều đặc biệt là, trong danh mục hàng hóa thuộc Chương trình EHP, Đài Loan hoàn toàn không mở cửa đối với các mặt hàng nông sản của Trung Quốc. Nhưng, Đại lục lại mở cửa đối với 18 mặt hàng nông sản của Đài Loan, những mặt hàng này sẽ phân theo giai đoạn được giảm thuế xuống còn 0%. Đây sẽ là yếu tố rất thuận lợi để nông thủy sản của Đài Loan có cơ hội thâm nhập vào thị trường Trung Quốc. Theo thống kê của Ủy ban nông nghiệp Đài Loan, từ sau khi ký ECFA, Đại lục trở thành thị trường tiêu thụ hàng nông sản lớn thứ hai của Đài Loan. Năm 2011 kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 670 triệu USD, tăng 26% so với năm 2010; tính đến tháng 5/2012 là 319 triệu USD, tăng 15% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó riêng 18 mặt hàng nông sản đã là 7,415 triệu USD, tăng đến 50%⁽¹¹⁾. Cá song, trà khô, cá mực, trứng ba ba tươi, cá thu đao đông lạnh là những sản phẩm xuất khẩu

chủ yếu sang Đại lục. Thông qua những số liệu thực tế này, có thể thấy rõ hiệu quả kinh tế mà ECFA đem lại cho cả hai bên, đặc biệt là Đài Loan. Sang năm 2013, khi thuế suất xuống còn 0%, trao đổi thương mại giữa Đại lục và Đài Loan sẽ có sự bứt phá mạnh mẽ, với các hoạt động mậu dịch diễn ra sôi động và nhộn nhịp hơn nhiều so với trước. Viện Nghiên cứu kinh tế Trung Hoa (Đài Bắc) dự báo, ECFA sẽ thúc đẩy tỷ lệ tăng trưởng GDP của Đài Loan tăng khoảng 1,65% đến 1,72% và tạo thêm 260.000 việc làm mới.

Về hoạt động đầu tư, kể từ sau khi ký Hiệp định ECFA, tính từ tháng 1/2012 đến tháng 4-2012, Đại lục đã phê duyệt 651 dự án đầu tư của Đài Loan, giảm 18,8% so với cùng kỳ, nhưng số vốn sử dụng thực tế lên đến 1,16 tỷ USD, tăng 46,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Nếu tính tích lũy cả các dự án đầu tư trước đó thì cho đến cuối tháng 4/2012, Đại lục đã phê duyệt tổng cộng 86.423 dự án; khoảng 40.000 công ty Đài Loan đang hoạt động tại đây, với số vốn thực tế lên đến 55,36 tỷ USD, chiếm 4,6% tổng số vốn đầu tư nước ngoài vào Đại lục⁽¹²⁾.

3.2. Những thách thức đặt ra với Đài Loan sau khi ký Hiệp định ECFA

Dựa vào những kết quả thu được trong Chương trình thu hoạch sớm, có thể thấy Đài Loan và Trung Quốc đã hoàn thành bước đầu việc đánh giá toàn diện đối với lĩnh vực mậu dịch hàng hóa và đầu tư, đặt cơ sở cho các thỏa thuận tiếp theo trong khuôn khổ Hiệp định ECFA, nhằm hướng tới sự hợp tác được chế độ hóa giữa hai bờ eo biển trong tương lai. Tuy nhiên, để có thể tiến tới xây dựng cơ chế chế độ hóa sẽ không phải là việc “một sớm, một chiều”. Bởi, thỏa thuận trong lĩnh vực mậu dịch hàng hóa sẽ đơn giản hơn so với thỏa

thuận về mậu dịch dịch vụ; bảo đảm đầu tư và giải quyết các tranh chấp. Việc đàm phán phải tiến hành một cách toàn diện và song song, nhưng bên cạnh đó cần phải tính toán tổng thể những hệ lụy khi mở cửa toàn bộ thị trường bản địa, nhất là một khi điều này liên quan mật thiết đến ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ của Đài Loan.

Mặt khác, Đài Loan luôn có chủ trương hạn chế nhập khẩu đối với các sản phẩm công, nông nghiệp của Đại lục. Nhưng, tính cho đến nay đã có tới hơn 2.235 mặt hàng của Trung Quốc được phép nhập khẩu vào Đài Loan. Tuy rằng, Hiệp định ECFA sẽ tạo nhiều điều kiện cho hàng hóa trao đổi giữa hai bên được thuận lợi hơn, song xét yếu tố phát triển nội tại của Đài Loan thì một số ngành nghề sản xuất của hòn đảo này sẽ phải chịu áp lực cạnh tranh tương đối lớn so với Đại lục. Trong tương lai, nếu phải mở cửa và giảm thuế quan, đương nhiên các ngành nghề này sẽ phải chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực. Đây sẽ là bài toán đặt ra cho chính quyền Đài Loan, khi đến năm 2013 thuế suất giữa hai bên sẽ xuống còn 0%.

Nếu đặt vấn đề trên một bình diện rộng hơn, thách thức mà Đài Loan phải đối mặt càng không phải là nhỏ, bởi một trong những mục tiêu chiến lược khi Đài Loan ký ECFA với Đại lục là thông qua đó, có thể ký kết FTA với các nước khác nhằm giảm thiểu những bất lợi trong trao đổi mậu dịch song phương. Ngày 15-3-2012 Hiệp định mậu dịch tự do Mỹ - Hàn bắt đầu có hiệu lực, là một sức ép không nhỏ đặt ra với các nước và khu vực xung quanh, đặc biệt là với Đài Loan⁽¹³⁾. Bởi, hiện tại Đài Loan là đối thủ cạnh tranh lớn nhất của Hàn Quốc, về mặt hàng máy móc và chế tạo; thị trường xuất khẩu của hòn đảo lại giống Hàn Quốc, chủ yếu là châu Âu và

Mỹ. Đây quả thực là một “cú sốc” với Đài Loan. Tuy rằng, ECFA tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa Đài Loan thâm nhập dễ dàng vào Đại lục, nhưng Đại lục lại chưa ký FTA với Mỹ nên lẽ đương nhiên hàng hóa Đài Loan rất khó cạnh tranh với Hàn Quốc tại thị trường này. Mặt khác, hiện vòng đàm phán để đi đến ký kết Hiệp định khung về đầu tư và thương mại (TIFA) - tiền thân của FTA giữa Đài Loan và Mỹ vẫn còn là vấn đề bỏ ngỏ, chưa được khai thông. Như vậy, hàng hóa Đài Loan chắc chắn sẽ gặp nhiều bất lợi hơn khi cạnh tranh hàng hóa với Hàn Quốc trên cùng một thị trường xuất khẩu chính.

Khách quan mà nói, không thể phủ nhận rằng ECFA tạo điều kiện thuận lợi cho Đài Loan dễ dàng ký FTA với các bạn hàng thương mại chủ yếu, nhưng việc phải đồng thời giảm thuế và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nhằm cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư, hoàn thiện chính thể chiến lược phát triển kinh tế... tiến tới nâng cao tính hiệu quả cho mậu dịch đối ngoại của Đài Loan sẽ là ẩn số, đòi hỏi chính quyền Đài Loan cần phải nhanh chóng có các biện pháp hữu hiệu ứng phó. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể, Đài Loan hiện đang được hưởng nhiều lợi ích trước mắt từ ECFA. Hiệp định ECFA đã mở ra trang mới trong quan hệ giữa hai bờ eo biển. Tổng thống Đài Loan - Mã Anh Cửu coi Hiệp định ECFA có 3 ý nghĩa quan trọng: *thứ nhất*, đó là “Con đường để thể chế hóa quy mô 100 tỷ USD mậu dịch giữa hai bờ eo biển (nếu như không có hiệp định này thì khó có thể đạt được); *thứ hai*, là “Cầu nối giúp quốc tế hóa hơn nữa nền kinh tế Đài Loan”; *thứ ba*, “Giúp kinh tế Đài Loan tránh được việc bị gạt ra “ngoài lề”⁽¹⁴⁾. Xét cho cùng, việc ký Hiệp định ECFA với Đại lục là một bước đi, một lựa

chọn khôn ngoan của Đài Loan trong quan hệ với Đại lục, phù hợp với hoàn cảnh hiện tại..., giúp Đài Loan né tránh những rào cản, thuận lợi hơn trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược lâu dài.

CHÚ THÍCH:

- (1) 海峽兩岸經濟合作架構協議, <http://www.Ecfa.Org.tw/EcfaAttachment/ECFADoc/2010-06-29>.
- (2) Số liệu thống kê của Cục Thống kê Bộ Kinh tế Đài Loan, <http://2k3dmz2.moea.gov.tw/gnweb/Indicator/wFrmIndicator.aspx>
- (3) 胡巖, 兩岸洽簽 ECFA 的必要性與後續事宜, <http://www.npf.org.tw/post/2/797>
- (4) “兩岸經貿” 兩岸經濟協議之目的與內涵, http://www.cdnews.com.tw/cdnews_site/docDetail.jsp?coluid=111&docid=101132777
- (5) 海峽兩岸經濟合作架構協議, <http://www.Ecfa.Org.tw/EcfaAttachment/ECFADoc/2010-06-29>.
- (6) Số liệu thống kê của Cục Thống kê Đài Loan, <http://www.stat.gov.tw/lp.asp?CtNode=1419&CtUnit=284&BaseDSD=7&mp=4>
- (7) 100 年 7 月份兩岸貿易情勢分析 http://investtaiwan.nat.gov.tw/news/news_chn_display.jsp?newsid=1610&MID=1
- (8) ECFA 貨物及服務貿易早期收穫計劃成效显现 <http://finance.jrj.com.cn/2012/04/2622171293421.shtml>
- (9) 台灣農產品外銷大陸成長 15%, 18 項 ECFA 早收產品成長 50% 充分展現 ECFA 洽簽效益 http://www.coa.gov.tw/show_news.php?cat=show_news&serial=coa_diamond_20120611180845
- (10) 2012 年 1-4 月大陸與台灣貿易、投資情況 http://www.fdi.gov.cn/pub/FDI/wztj/tgajmtj/t20120528_143515.htm
- (11) 馬英九下午提 “后 ECFA 戰略” 駁 “傾陸賣台 ” http://news.ifeng.com/taiwan/3/detail_2010_07/01/1699898_0.shtml

